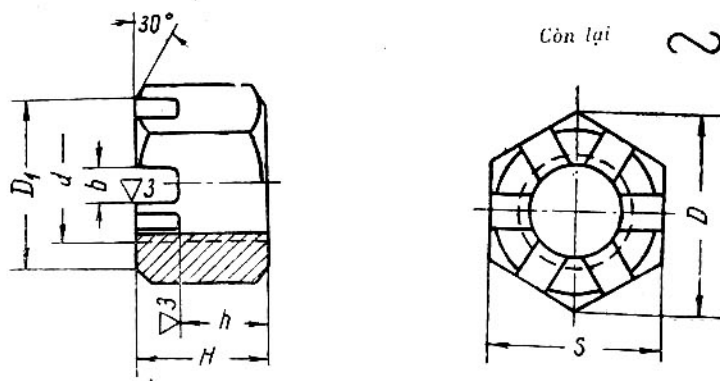


ĐAI ỐC THỎ SÁU CẠNH, XÊ RÃNH

Kích thước

TCVN 104-63

Nhóm C



$$D_1 \approx 0,95 S$$

Ví dụ ký hiệu quy ước của đai ốc đường kính 10 mm:

có ren bước lớn: Đai ốc M10 TCVN 104-63.

có ren bước nhỏ 1 mm: Đai ốc M10 x 1 TCVN 104-63.

mm

Đường kính ren d	S		H		D		Độ lệch tâm cho phép của lỗ	Số rãnh	b		h		Độ lệch cho phép của rãnh so với đường tâm	Kích thước chốt chẻ	Khối lượng 1000 đai ốc, kg $\approx$
	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Kích thước nhỏ nhất			Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép			
4	7		5	+0,30	8,1	7,6	0,3		1,5		3	-0,40		1 x 12	0,886
5	8	-0,36	6	-0,48	9,2	8,7	0,4		1,5		4		0,15	1 x 12	1,495
6	10		8	+0,36	11,5	10,9			2	+0,40	5	-0,48		1,5 x 12	2,891
8	14		9	-0,58	16,2	15,5	0,5		2,5	-0,10	5,5		0,20	2 x 20	6,703
10	17	-0,43	12		19,6	18,9			3		8			2,5 x 25	14,50
12	19		15	$\pm 0,70$	21,9	21,1	0,6		3,5		10	-0,58		3 x 30	21,02
(14)	22		15		25,4	24,5	0,7		3,5		10		0,25	3 x 30	28,76
16	21	-0,52	18		27,7	26,3			5		12			4 x 35	38,17
(18)	27		20		31,2	29,6	0,8		5	+0,48	14		0,30	4 x 40	56,24
20	30		22		34,6	33,8			5	-0,10	16	-0,70		4 x 40	77,48
(22)	32		25	$\pm 1,30$	36,9	35,0			6		18			5 x 45	92,51
24	36	-1,00	25		41,6	39,5	0,9		6		18			5 x 45	122,9
(27)	41		28		47,3	44,9			6		20		0,15	5 x 50	182,3
30	46		30		53,1	50,4			7		21	-0,84		6 x 60	248,4
36	55		36		63,5	60,3			7	+0,58	26			6 x 70	433,8
42	65	-1,20	44	$\pm 1,60$	75,0	71,2	1,0		10	-0,10	32			8 x 80	744,7
48	75		50		86,5	81,2			10		38	-1,00	0,50	8 x 80	1166

1. Chốt chẻ theo TCVN 129-63.
2. Cố gắng không dùng những đai ốc có kích thước nằm trong dấu ngoặc.
3. Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 124-63.
4. Quy tắc nghiệm thu, bao gói và ghi nhãn hiệu theo TCVN 128-63.